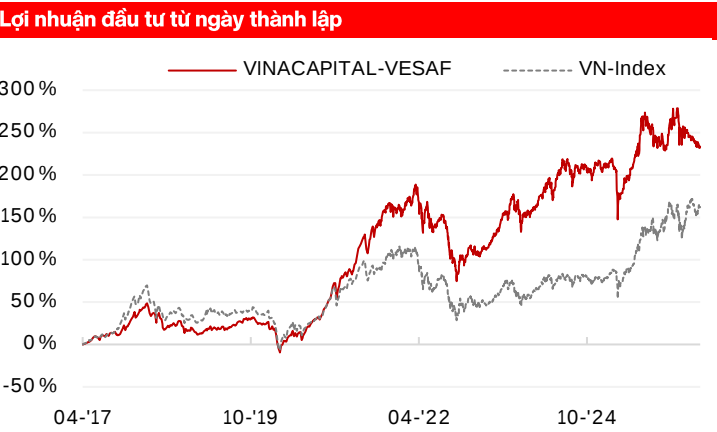


Ngày 30/06/2026

Quỹ đầu tư vào hai nhóm cổ phiếu chính: (1) cổ phiếu của các doanh nghiệp có nền tảng vững chắc, khả năng tăng trưởng kép cao trong nhiều năm và đang giao dịch ở mức định giá hợp lý; và (2) các cổ phiếu chưa được thị trường chú ý nhưng có nhiều chất xúc tác gia tăng giá trị doanh nghiệp.

Hiệu suất đầu tư của quỹ		
Lợi nhuận (LN)	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
LN tháng 06/2026 (%)	(1.7)	(0.2)
LN từ đầu năm 2026 (%)	(0.6)	4.2
LN kép trung bình 3 năm (%/năm)	12.5	18.4
LN kép trung bình 5 năm (%/năm)	8.0	5.7
LN kép trung bình hằng năm từ khi thành lập (%/năm)	14.0	11.1
LN từ ngày thành lập (%)	233.2	162.2

Dữ liệu là kết quả đầu tư trong quá khứ và không phản ánh hiệu quả đầu tư tương lai. Lợi nhuận không cam kết và có thể biến động trong ngắn hạn.
Khuyến nghị đầu tư trung và dài hạn để đạt hiệu suất tốt.



Danh mục đầu tư lớn		
Cổ phiếu	Ngành	% NAV
BVH	Tài chính khác	7.5
HPG	Vật liệu	6.4
MBB	Ngân hàng	6.1
VCB	Ngân hàng	6.0
CTG	Ngân hàng	6.0
PNJ	Tiêu dùng không thiết yếu	5.7
REE	Công nghiệp	3.8
CTR	Công nghiệp	3.8
MWG	Tiêu dùng không thiết yếu	3.5
GMD	Công nghiệp	3.2
TỔNG CỘNG		52.0

Classified: Public

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF

Cập nhật thị trường chứng khoán

Thị trường chứng khoán Việt Nam trải qua tháng 6 với diễn biến giằng co và mức độ phân hóa cao. Chỉ số VN-Index kết thúc tháng ở mức 1.860 điểm, chỉ giảm nhẹ 0,2% so với tháng trước. Nhóm cổ phiếu Vingroup tiếp tục đóng vai trò nâng đỡ thị trường. Nếu loại trừ hai cổ phiếu VIC và VHM, VN-Index thực tế giảm hơn 1% trong tháng 6.

Lũy kế từ đầu năm, VN-Index tăng 4,2%. Tuy nhiên, độ rộng thị trường diễn biến kém tích cực khi chỉ có 125 cổ phiếu tăng giá so với 282 cổ phiếu giảm giá. VIC và VHM tiếp tục là hai cổ phiếu đóng góp lớn nhất vào mức tăng của chỉ số, với mức tăng lần lượt 29,7% và 27,1% từ đầu năm. Nếu loại trừ hai cổ phiếu này, VN-Index giảm khoảng 2% trong sáu tháng đầu năm.

Thanh khoản thị trường suy giảm đáng kể, phản ánh tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức cao. Giá trị giao dịch bình quân mỗi phiên đạt 701 triệu USD trong tháng 6, thấp hơn đáng kể so với mức 955 triệu USD của tháng 5 và mức bình quân 1.014 triệu USD từ đầu năm. Khối ngoại tiếp tục bán ròng 583 triệu USD trong tháng (so với 735 triệu USD trong tháng 5), nâng tổng giá trị bán ròng lũy kế từ đầu năm lên khoảng hơn 3 tỷ USD.

Kinh tế Việt Nam tiếp tục duy trì đà tăng trưởng tích cực trong quý II. GDP sáu tháng đầu năm tăng 8,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó riêng quý II tăng 8,4%. Động lực tăng trưởng chính đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng, với mức tăng lần lượt 9,8% trong sáu tháng đầu năm và 10,5% trong quý II. Đối với tiêu dùng nội địa, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng, sau khi loại trừ yếu tố giá, tăng 7,3% trong nửa đầu năm, gần tương đương mức 7,4% của cùng kỳ năm ngoái.

Áp lực lạm phát đã phần nào hạ nhiệt khi CPI tháng 6 giảm 0,4% so với tháng trước nhờ giá nhiên liệu giảm. Tuy vậy, CPI bình quân sáu tháng đầu năm vẫn tăng 4,4% so với cùng kỳ. Tỷ giá USD/VND duy trì ổn định trong tháng 6 cũng như từ đầu năm.

Thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI) tiếp tục là điểm sáng của nền kinh tế, với tổng vốn đăng ký đạt 34,7 tỷ USD, tăng 61% so với cùng kỳ, trong khi vốn giải ngân đạt khoảng 13 tỷ USD, tăng 11,2% và là mức cao nhất ghi nhận cho nửa đầu năm trong nhiều năm gần đây.

Trên thị trường tiền tệ, tín dụng toàn hệ thống tăng 7,4% từ đầu năm, cao hơn đáng kể so với mức tăng 5,0% của huy động vốn. Chênh lệch giữa tăng trưởng tín dụng và huy động tiếp tục tạo áp lực lên mặt bằng lãi suất. Lãi suất huy động kỳ hạn 6-12 tháng hiện phổ biến ở mức 7-8%/năm, và có thể lên tới 8-9%/năm tùy theo ngân hàng và nhóm khách hàng.

Trong tháng 5 và tháng 6/2026, Ngân hàng Nhà nước và Chính phủ đã ban hành một loạt chính sách nhằm hỗ trợ tăng trưởng kinh tế thông qua việc đảm bảo nguồn vốn cho các lĩnh vực ưu tiên và các dự án hạ tầng trọng điểm. Các biện pháp đáng chú ý bao gồm việc loại trừ một số khoản tín dụng dành cho các dự án hạ tầng chiến lược, nhà ở xã hội và khu công nghiệp khỏi các giới hạn tăng trưởng tín dụng; nâng tỷ lệ sử dụng vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn từ 30% lên 40%; đồng thời tăng tính linh hoạt trong việc sử dụng tiền gửi Kho bạc Nhà nước để hỗ trợ thanh khoản cho hệ thống ngân hàng. Những thay đổi này được kỳ vọng sẽ góp phần giảm áp lực huy động vốn, cải thiện thanh khoản và hỗ trợ tăng trưởng tín dụng trong ngắn hạn.

Chúng tôi tiếp tục duy trì quan điểm tích cực đối với triển vọng dài hạn của thị trường chứng khoán Việt Nam. Mặt bằng định giá hiện nay đang ở mức hấp dẫn và đã phản ánh phần lớn tác động của việc lãi suất tăng trong thời gian qua. Triển vọng tăng trưởng của thị trường sẽ được hỗ trợ bởi tăng trưởng lợi nhuận của các doanh nghiệp niêm yết, các chính sách thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của Chính phủ, cũng như những cải cách trên thị trường chứng khoán nhằm thu hút dòng vốn từ cả nhà đầu tư trong nước và quốc tế.

Ngày 30/06/2026

Chỉ số danh mục cổ phiếu		
	VINACAPITAL-VESAF	VN-Index
Chỉ số P/E 2026 (x)	9.3	13.2
Chỉ số P/B 2026 (x)	1.5	1.8
Chỉ số ROE 2026 (%)	16.2	16.2
Tỷ suất cổ tức 2026 (%)	2.5	1.9
Vòng quay danh mục 5 năm (%)	69.9	-
Hệ số Sharpe (5 năm)	0.3	0.2
Hệ số Beta (5 năm)	0.7	1.0
Số lượng cổ phiếu	29	403
(Nguồn: Dự báo của VinaCapital)		

Thông tin quỹ	
Tổng tài sản (tỷ VNĐ)	2,435.0
Giá trị TS ròng/CCQ (VNĐ)	33,322.9
Ngày thành lập	4/18/2017
Phí quản lý	1.75 % /năm
Phí phát hành	0 %
Phí mua lại	Từ ngày 1 - ngày 364: 2%
	Từ ngày 365 - ngày 729: 1%
	Từ ngày 730 trở đi: 0%
Thuế thu nhập cá nhân	0.1%
Ngân hàng Giám sát và Lưu ký	Ngân hàng Standard Chartered Việt Nam
Công ty kiểm toán	PwC Việt Nam
Tần suất giao dịch	Hàng ngày, Thứ 2 đến Thứ 6
Chỉ số tham chiếu	VN-Index
(Giá trị tài sản ròng của quỹ đã trừ đi các chi phí vận hành và phí quản lý.)	

Thông tin liên lạc	
Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital	
Tầng 17, Tòa nhà Sunwah	
115 Nguyễn Huệ, Phường Sài Gòn, TPHCM, Việt Nam	
Bộ phận quan hệ đầu tư:	irwm@vinacapital.com
Tel: +84 28 38 27 85 35	

Cập nhật thị trường và quỹ VINACAPITAL-VESAF	
Cập nhật quỹ và triển vọng đầu tư	
Trong tháng 6/2026, giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ của VINACAPITAL-VESAF giảm 1,7%, so với mức giảm 0,2% của VN-Index. Như những tháng gần đây, chỉ số được nâng đỡ bởi hai cổ phiếu Vingroup trong khi phần còn lại của thị trường điều chỉnh sâu hơn. Khoảng hai phần ba mức chênh lệch so với chỉ số đến từ việc quỹ không nắm giữ VIC, VHM và tỷ trọng thấp ở nhóm ngân hàng — nhóm tăng 2,1% khi thị trường bắt đầu phản ánh các chính sách hỗ trợ thanh khoản nêu trên; phần còn lại đến từ nhịp điều chỉnh của các cổ phiếu vốn hóa vừa trong bối cảnh thanh khoản thấp nhất từ đầu năm và khối ngoại tiếp tục bán ròng.	
Cổ phiếu ảnh hưởng lớn nhất đến hiệu suất của quỹ là Tập đoàn Bảo Việt (BVH, -4,6%) — vị thế lớn nhất danh mục — khi thị trường chốt lời trước bối cảnh tăng trưởng doanh thu phí toàn ngành bảo hiểm nhân thọ ở mức âm, yếu tố đang được thị trường phản ánh vào giá nhiều hơn dự kiến. Tác động của lãi suất lên bảo hiểm nhân thọ thường bị hiểu chưa đúng: chính mặt bằng lãi suất tiền gửi ngắn hạn cao hiện nay — mức mà chúng tôi cho là khó duy trì lâu — mới là yếu tố kìm hãm doanh thu phí, khi người dân ưu tiên gửi tiết kiệm thay vì cam kết vào một hợp đồng bảo hiểm nhân thọ dài hạn; ngược lại, xu hướng tăng dần và bền vững của lãi suất trái phiếu dài hạn (kỳ hạn 10 năm tiệm cận 4,4%) lại củng cố hiệu quả kinh tế của bảo hiểm nhân thọ. Với tỷ lệ thâm nhập bảo hiểm nhân thọ vẫn thuộc nhóm thấp nhất khu vực và Đại hội đồng cổ đông đã thông qua chiến lược 2026–2030 — bao gồm kế hoạch cổ phần hóa (IPO) hai công ty con cốt lõi Bảo Việt Nhân thọ và Bảo hiểm Bảo Việt cùng thoái vốn khỏi các khoản đầu tư không cốt lõi (Ấu Lạc, Trung Nam Phú Quốc, HIPT, Ngân hàng Bảo Việt) — luận điểm đầu tư dài hạn vẫn nguyên vẹn.	
Hòa Phát (HPG, -2,9%) cũng điều chỉnh dù nền tảng kinh doanh tích cực: sản lượng thép thô và HRC quý 2 tăng lần lượt 48% và 64% so với cùng kỳ nhờ đẩy mạnh công suất Dung Quất 2, kéo theo dự báo lợi nhuận quý 2 tăng 40–50%. Ở chiều tích cực, TNG (+5,8%), ACB (+5,6%), Dohaco (DHC, +4,7%), Thế Giới Di Động (MWG, +2,4%) và Gemadept (GMD, +1,8%) tăng giá ngược xu hướng thị trường.	
Hoạt động cơ cấu danh mục tập trung vào nhóm tài chính và tiêu dùng. Chúng tôi tham gia đợt IPO của Điện Máy Xanh (DMX) — cột mốc hiện thực hóa giá trị của MWG đã đề cập tháng trước — thiết lập vị thế khoảng 2% NAV bên cạnh khoản đầu tư hiện hữu vào MWG. Chúng tôi cũng mua trở lại Techcombank (TCB) ở mức định giá rẻ hơn so với thời điểm bán ra trước đây, khi chúng tôi cho rằng các định hướng chính sách mới sẽ giúp cải thiện khả năng sinh lời của ngân hàng mà không ảnh hưởng thanh khoản nhiều như dự kiến.	
Tính đến giữa năm, giá trị tài sản ròng trên mỗi chứng chỉ quỹ giảm 0,6% so với mức tăng 4,2% của VN-Index. Toàn bộ mức chênh lệch được giải thích bởi việc không nắm giữ VIC và VHM — hai cổ phiếu đóng góp hơn năm điểm phần trăm vào mức tăng của chỉ số — và bởi việc lựa chọn cổ phiếu trong nhóm ngân hàng, nơi quyết định duy trì tỷ trọng thấp tự thân đã tạo giá trị. Nếu loại trừ hai cổ phiếu Vingroup, thị trường giảm khoảng 2% trong nửa đầu năm — cho thấy danh mục đã trụ vững qua một thị trường phân hóa hẹp và cạnh tranh khốc liệt. Quỹ không nắm giữ hai cổ phiếu này do tiếp tục tìm thấy những cơ hội tốt hơn ở nơi khác: nhất quán với chiến lược của quỹ, chúng tôi ưu tiên định giá hấp dẫn — thay vì những mức định giá đòi hỏi lợi nhuận quá lạc quan — và tăng trưởng lợi nhuận chất lượng cao, ổn định, thay vì lợi nhuận phụ thuộc backlog không đều với thời điểm ghi nhận khó dự đoán. Danh mục đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026 là 9,3 lần so với 13,2 lần của VN-Index, ROE dự phóng tương đương (16,2%) và tỷ suất cổ tức 2,5% so với 1,9% của thị trường — phản ánh sự chú trọng vào các doanh nghiệp cam kết hoàn trả tiền mặt cho cổ đông. Việc chạy theo các cổ phiếu tăng nóng nhưng không có ý định rõ ràng chi trả cổ tức tiền mặt mang lại rủi ro đầu tư cao; chúng tôi tin rằng sự kiên nhẫn, kỷ luật định giá và chú trọng lợi ích cổ đông vẫn là nguồn gốc đáng tin cậy nhất của hiệu quả đầu tư dài hạn.	

Lợi nhuận hằng tháng													LN từ đầu năm
	Tháng 1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	
2022	-0.8 %	4.9 %	3.9 %	-5.6 %	-2.9 %	-5.8 %	-1.6 %	5.5 %	-10.2 %	-11.3 %	-1.8 %	-0.1 %	-24.4 %
2023	9.9 %	-5.2 %	2.1 %	1.8 %	5.7 %	3.5 %	9.4 %	3.8 %	-1.2 %	-11.2 %	8.2 %	2.5 %	30.9 %
2024	2.5 %	5.7 %	5.2 %	-4.3 %	6.9 %	1.0 %	0.2 %	1.8 %	0.2 %	-1.1 %	-0.2 %	2.6 %	22.1 %
2025	-0.6 %	0.7 %	-3.9 %	-8.2 %	6.0 %	5.6 %	4.6 %	13.3 %	-5.0 %	-2.0 %	-2.1 %	-0.6 %	6.3 %
2026	9.7 %	2.9 %	-5.9 %	-3.1 %	-1.7 %	-1.7 %							-0.6 %

Thông tin quan trọng: Những thông tin trên đây do Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ VinaCapital (“Công ty”) soạn thảo và/hoặc có thể được cập nhật, sửa đổi, điều chỉnh và xác minh thêm mà không cần phải thông báo. Thông tin trên không tạo thành và/hoặc hình thành nên một phần của bất kỳ chào bán nào hoặc để nghị mua hoặc đăng ký mua bất kỳ chứng khoán nào cũng như không tạo thành căn cứ hoặc liên quan đến hoặc coi như là sự dẫn dụ tham gia vào bất kỳ hợp đồng hoặc cam kết dưới bất kỳ hình thức nào. Đối với những thông tin dự báo dựa trên việc ước tính và/hoặc ý kiến của Công ty tại thời điểm thông tin được đưa ra, Công ty sẽ không có nghĩa vụ cập nhật và/hoặc chỉnh sửa nếu các tình huống có thay đổi.